

UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 91/QĐ-SNN&PTNT

Quảng Nam, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 đối với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam



Sao gửi:
- H. Rao, KSL
- Các phòng
Cty

26
01

THAM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về kỳ họp thứ mười hai, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định thực hiện giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ủy quyền thực hiện đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt kế hoạch diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 09/TB-SNN&PTNT ngày 15/01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Kế hoạch diện tích đất sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam;

Căn cứ Tờ trình số 59/TTr-CT ngày 15/01/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam đề nghị thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề xuất đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024;

Căn cứ Công văn số 665/UBND-KTTH ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phản hồi đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 19/TTr-SNN&PTNT ngày 17/01/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sử dụng ngân sách nhà nước năm 2024 đối với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam, với những nội dung chính như sau:

1. Khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đặt hàng: **49.973,47 ha.**
2. Dự toán kinh phí được hỗ trợ đối với khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đặt hàng: **46.908.164.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, chín trăm lẻ tám triệu, một trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

3. Chất lượng dịch vụ: Điều hòa, phân phối nước đảm bảo số lượng, chất lượng, kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp.

4. Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành: Trong năm 2024.

5. Đơn giá đặt hàng: Đơn giá đặt hàng được xác định tại Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo điểm 1.2 khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.

6. Về nguồn kinh phí đặt hàng:

Căn cứ kinh phí được UBND tỉnh giao trong dự toán chi ngân sách năm 2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam tại Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024.

Điều 2: Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch đặt hàng đảm bảo hiệu quả, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan để triển khai các nội dung liên quan theo quy định; đồng thời cung cấp các hồ sơ liên quan cho Sở Tài chính để thực hiện cấp kinh phí theo

đúng quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

2. Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp Sở chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu lãnh đạo Sở thương thảo, ký hợp đồng đặt hàng với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam theo đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nghiệm thu khối lượng và thanh quyết toán theo đúng quy định.

3. Chi cục Thủy lợi chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát và kiểm tra quá trình thực hiện hợp đồng theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền, tham mưu lãnh đạo Sở tổ chức nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm hợp đồng đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 với Công ty theo quy định.

Điều 3: Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

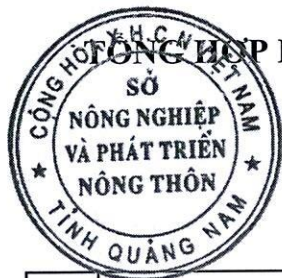
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở: Tài chính, LĐ-TB&XH;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, NVTH.

GIÁM ĐỐC



Phạm Viết Tích



Phụ lục

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐẶT HÀNG CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024 ĐỐI VỚI CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số: 91 /QĐ-SNN&PTNT ngày 26 /01/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Khoản mục	Tổng số		Biện pháp động lực			Biện pháp trọng lực		
		Diện tích phê duyệt theo QĐ số 70/QĐ-UBND (ha)	Kinh phí đặt hàng (đồng)	Diện tích phê duyệt theo QĐ số 70/QĐ-UBND (ha)	Giá SP, DV công ích thủy lợi (đồng)	Kinh phí đặt hàng (đồng)	Diện tích phê duyệt theo QĐ số 70/QĐ-UBND (ha)	Giá SP, DV công ích thủy lợi (đồng)	Kinh phí đặt hàng (đồng)
1	2	3	(4) = (7)+(10)	5	6	(7)=(5)x(6)	8	9	(10)=(8)x(9)
I	Quảng Nam (1+2+3+4)	49.973,47	46.908.163.518	11.036,97	0	14.969.357.950	38.936,50	0	31.938.805.568
1	Tưới tiêu cây lúa	46.818,75	45.562.402.341	10.142,34		14.366.087.914	36.676,41		31.196.314.427
a	Chủ động	39.985,16	44.042.302.428	10.016,13		14.267.198.658	29.969,03		29.775.103.770
	- Đồng bằng	38.634,01	42.098.085.170	9.467,97	1.409.000	13.340.369.730	29.166,04	986.000	28.757.715.440
	- Đồng bằng (bậc 2 trở lên)	548,16	926.828.928	548,16	1.690.800	926.828.928	0,00		0
	- Miền núi	802,99	1.017.388.330	0,00	1.811.000	0	802,99	1.267.000	1.017.388.330
b	Chủ động 1 phần (đồng bằng)	78,46	46.416.936	0,00	845.400	0	78,46	591.600	46.416.936
c	Tạo nguồn	6.755,13	1.473.682.977	126,21		98.889.256	6.628,92		1.374.793.721
	- Đồng bằng (ĐL tạo nguồn ĐL)	93,79	66.075.055	93,79	704.500	66.075.055	0,00		0
	- Đồng bằng (ĐL tạo nguồn TL)	12,79	16.218.999	12,79	1.268.100	16.218.999	0,00		0
	- Đồng bằng (TL tạo nguồn ĐL)	4.047,71	399.104.206	0,00		0	4.047,71	98.600	399.104.206
	- Đồng bằng (TL tạo nguồn TL)	2.410,52	950.709.088	0,00		0	2.410,52	394.400	950.709.088
	- Đồng bằng 2 bậc trở lên (ĐL tạo nguồn ĐL)	19,63	16.595.202	19,63	845.400	16.595.202			0
	- Miền núi (TL tạo nguồn ĐL)	143,33	18.159.911	0,00		0	143,33	126.700	18.159.911
	- Miền núi (TL tạo nguồn TL)	10,10	5.118.680	0,00		0	10,10	506.800	5.118.680
	- Đồng bằng (thay chua rửa mặn)	17,26	1.701.836	0,00		0	17,26	98.600	1.701.836
2	Mạ, rau, màu,...	3.010,12	1.118.122.797	842,76		472.290.036	2.167,36		645.832.761
a	Chủ động	2.281,47	1.041.948.932	822,44		466.507.500	1.459,03		575.441.432